

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 88 /2013/NQ-HĐND

Đà Lạt, ngày 05 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/07/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/07/2002;

Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Thông tư Liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Sau khi xem xét Tờ trình số: 7200/TTr-UBND ngày 25/11/2013 và tờ trình số: 7300/TTr-UBND ngày 28/11/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, Kỳ họp thứ 8 nhất trí tán thành quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng như sau:

1. Đối tượng chịu phí:

Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là nước thải ra môi trường từ:

- a) Hộ gia đình;
- b) Cơ quan nhà nước;
- c) Đơn vị vũ trang nhân dân (trừ các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến thuộc các đơn vị vũ trang nhân dân);
- d) Trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các tổ chức, cá nhân không gắn liền với địa điểm sản xuất, chế biến;
- đ) Cơ sở: Rửa ô tô, rửa xe máy, sửa chữa ô tô, sửa chữa xe máy;
- e) Bệnh viện, phòng khám chữa bệnh; nhà hàng, khách sạn; cơ sở đào tạo, nghiên cứu; cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác;
- g) Các tổ chức, cá nhân và đối tượng khác có nước thải (trừ các đối tượng nộp phí nước thải công nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT).

2. Đối tượng không chịu phí:

- a) Nước xả ra từ các nhà máy thủy điện, nước tuần hoàn trong các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến không thải ra môi trường;
- b) Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở địa bàn đang được Nhà nước thực hiện chế độ bù giá để có giá nước phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội;
- c) Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch;
- d) Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở các xã thuộc vùng nông thôn, bao gồm:
 - Các xã thuộc miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa (theo quy định của Chính phủ về xã miền núi, vùng sâu, vùng xa);
 - Các xã không thuộc đô thị đặc biệt, đô thị loại I, II, III, IV và V theo quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về phân loại đô thị;
- e) Nước làm mát thiết bị, máy móc không trực tiếp tiếp xúc với các chất gây ô nhiễm, có đường thoát riêng với các nguồn nước thải khác;
- f) Nước mưa tự nhiên chảy tràn.

3. Đối tượng nộp phí:

- a) Là tổ chức, cá nhân, đơn vị, hộ gia đình có nước thải ra môi trường quy định tại Khoản 1, Điều này.
- b) Đối với các hộ gia đình, đơn vị, tổ chức, cá nhân xả nước thải vào hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Đà Lạt quy định tại Khoản 2, Điều 1

Nghị quyết số 47/2012/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2012 của HĐND tỉnh thì không phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

c) Các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến quy định tại Khoản 1, Điều 1 Thông tư Liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT sử dụng nguồn nước từ đơn vị cung cấp nước sạch phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thì không nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

4. Mức thu phí:

Số TT	Đối tượng nộp phí	ĐVT	Mức phí
1	Đối với hộ gia đình, đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng nước từ hệ thống cung cấp nước sạch	đồng/m ³	500
2	Đối với tổ chức, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng (trừ hộ gia đình ở những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch):		
2.1	Đối với trường hợp có lắp đặt đồng hồ đo nước theo quy định	đồng/m ³	500
2.2	Đối với trường hợp không lắp đặt đồng hồ nước:		
a	Hộ gia đình	đồng/tháng	5.000
b	Cơ quan nhà nước; Đơn vị vũ trang nhân dân (trừ các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến thuộc các đơn vị vũ trang nhân dân); Bệnh viện; Cơ sở: Rửa ô tô, rửa xe máy; Nhà hàng, khách sạn.	đồng/tháng	50.000
2.3	Đối với Trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các tổ chức, cá nhân không gắn liền với địa điểm sản xuất, chế biến; cơ sở sửa chữa ô tô, sửa chữa xe máy; phòng khám chữa bệnh; cơ sở đào tạo, nghiên cứu; cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác; các tổ chức, cá nhân và đối tượng khác có nước thải:	đồng/tháng	20.000

5. Tổ chức thu phí:

a) Các đơn vị cung cấp nước sạch (Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Lâm Đồng; các Công ty Cổ phần cấp thoát nước và xây dựng: Bảo Lộc, Đức Trọng và Di Linh): Thu phí đối với tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cơ sở kinh doanh, dịch vụ sử dụng nước của các đơn vị (gọi chung là khách hàng của tổ chức cung cấp nước sạch).

b) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: Thu phí đối với người nộp phí là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cơ sở kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước

dưới đất hoặc nước mặt để sử dụng (trừ hộ gia đình ở những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch).

6. Quản lý và sử dụng phí:

a) Đối với UBND các xã, phường, thị trấn trực tiếp thu phí: Được để lại 15% trên số phí thực thu để trang trải chi phí cho việc thu phí; số phí còn lại (85%) nộp vào ngân sách nhà nước.

b) Đối với các Công ty cung cấp nước sạch: Được để lại 5% trên số phí thực thu để trang trải chi phí cho việc thu phí; số phí còn lại (95%) nộp vào ngân sách nhà nước.

c) Số tiền phí thu được, đơn vị thu được trích lại theo tỷ lệ trên để trang trải chi phí cho việc tổ chức thu phí theo quy định. Số tiền thu phí còn lại đơn vị, tổ chức thu phí phải nộp vào ngân sách nhà nước để sử dụng cho công tác bảo vệ môi trường, bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ Bảo vệ môi trường của địa phương thực hiện cho việc phòng ngừa, hạn chế, kiểm soát ô nhiễm môi trường do nước thải; tổ chức thực hiện các giải pháp, phương án công nghệ, kỹ thuật xử lý ô nhiễm môi trường nước.

Điều 2. Nghị quyết này bãi bỏ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt tại Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 47/2012/NQ-HĐND ngày 06/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc điều chỉnh mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng đối với một số loại phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho UBND tỉnh hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa VIII, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2013, Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. /.

Nơi nhận:

- TVQH, VPQH, VPCP, VPCTN;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- TTTU, UBND, UBNDTTQ VN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh; Báo LĐ (để đưa tin);
- HĐND, UBND, UBNDTTQ các huyện, TP;
- Trung tâm Công báo tỉnh, Website HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo & CV VP. Đoàn ĐBQH & HĐND;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Huỳnh Đức Hòa